TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ- ST.
Ngày: 15/5/2019.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm;

2. Ông Lò Văn Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên .

Ngày 15/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX - ST ngày 04/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tòng Thị V - Sinh năm: 1985. " Có mặt"

Trú tại: Đội A, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Quàng Tiến D - Sinh năm: 1986. "Có mặt"

Trú tại: Đội A, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 13/12/2018 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên nguyên đơn chị Tòng Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh D lấy nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2006 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện, chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D ngoại tình, anh D đã viết cam đoan là không tái phạm nữa, nhưng anh D vẫn không sửa chữa mà vẫn còn quan hệ với nhiều phụ nữ khác. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị V khai vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Quàng Thế Q, sinh ngày 17/11/2006 và cháu Quàng Thế T, sinh ngày 04/5/2009. Chị V có nguyện vọng

xin được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu T có nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

Về tài sản:

Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, đất ruộng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án bị đơn anh Quàng Tiến D trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô V lấy nhau đều tự nguyện, không ai bị ép buộc có đăng ký kết hôn từ năm 2006 tại UBND xã T, huyện Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015. Anh D công nhận có quan hệ với người phụ nữ khác. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ngoài ra cũng do công việc của tôi cũng không phù hợp và dẫn đến chán nản, không hạnh phúc. Nay cô V xin ly hôn, tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh D công nhận vợ chồng có 02 con chung: Cháu Quàng Thế Q, sinh ngày 17/11/2006 và cháu Quàng Thế T, sinh ngày 04/5/2009. Anh D có nguyện vọng xin được nuôi cháu Q, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu Q có nguyện vọng muốn được ở với bố.

Về tài sản:

Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: không có.

Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Tòng Thị V, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp ly hôn.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị V xin ly hôn với anh D, anh D có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị V và anh D lấy nhau năm 2006, đến năm 2018 thì chị V khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị V và anh Quàng Tiến D lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, do công việc anh D hay đi làm xa nhà và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Tình cảm vợ chồng giữa chị V với anh D đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015 đến nay. Hai người đã sống ly thân một thời gian. Anh D và chị V hiện nay đều xác định tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị V xin ly hôn và anh D cũng đồng ý ly hôn là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung, anh D đề nghị được nuôi 01 con chung, chị V có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt của con chưa thành niên.

Qua quá trình giải quyết thì anh D và chị V ai cũng có khả năng nuôi con chung. Anh D có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi cháu lớn là Quàng Thế Q, chị V có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi cháu bé là Quàng Thế T. Tại bản tự khai của cháu Q, cháu T cũng có nguyện vọng như trên.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật HN&GĐ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Dũng, giao cháu Quàng Thế Q cho anh D trực tiếp chăm sóc, giáo dục; giao cháu Quàng Thế T cho chị V trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V và anh D thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử xét thấy việc tự thỏa thuận giữa hai người là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6].Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về:

Chị V và anh D không có.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Chị V và anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Tòng Thị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300. 000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 235; Điều 264 và Điều 267/BLTTDS (Năm 2015);
- Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1- Tuyên xử: Chị Tòng Thị V được ly hôn với anh Quàng Tiến D.

2- Về con chung: Giao con chung là Quàng Thế Q, sinh ngày 17/11/2006 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là Quàng Thế T, sinh ngày 04/5/2009 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh D và chị V không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản:

3.1. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

3.2. Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Không xem xét giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0002966 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, chị V đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị V, anh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã Thanh Xương;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương

ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN
_____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
_____

Bản án số: /2016/HNGĐ- ST
Ngày: 20/4/2016
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN – TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lù Văn Đúc

2. Bà Nguyễn Thị Tâm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên .

Ngày 20/4/2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2015/TLST – HNGĐ ngày 04/12/2015 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2016/QĐXX - ST ngày 04/4/2016 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị Hưng – Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản Bua, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn Biên – Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Bản Bua, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

NHẬN THẤY:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 04/12/2015 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Lường Thị Hưng (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Biên lấy nhau từ năm 2009; Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Phăng, huyện Điện Biên từ năm 2011; Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh một số mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2014, hiện nay tôi về sống bên bà ngoại, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Biên.

2. Về con chung: Chị Hưng khai vợ chồng có 01 con chung: Quàng Nhật Duy, sinh ngày 21/7/2010.

Chị Hưng xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh Biên cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 25/12/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Quàng Văn Biên (bị đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và cô Hưng lấy nhau từ năm 2009; Có đăng ký kết hôn từ năm 2011, chúng tôi lấy nhau hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, có một số mâu thuẫn trong cuộc sống, nguyên nhân cô Hưng xin ly hôn là do tôi bị tàn tật, không làm được gì, cô Hưng đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Nay cô Hưng xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Anh Hưng công nhận vợ chồng có 01 con chung: Quàng Nhật Duy, sinh ngày 21/7/2010, sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi con chung.

3. *Về tài sản:* Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hôn nhân: Chị Lường Thị Hưng và anh Quàng Văn Biên lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân gần hai năm nay, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mặc dù đã được bà con họ hàng thân thích nhắc nhở, khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Hưng và anh Biên đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Hưng xác định tình cảm của mình đối với anh Biên không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Tại phiên toà, chị Hưng vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Toà án giải quyết cho chị đ- ợc ly hôn với anh Biên. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của ng- ời phụ nữ và để giải phóng cho chị Hưng khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đảm bảo cuộc sống cho chị Hưng và con nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hưng và áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Lường Thị Hưng và anh Quàng Văn Biên.

2. Về con chung: Có 01 con chung, chị Hưng đề nghị được nuôi con, anh Biên cũng có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt của con chưa thành niên. Xét thấy anh Biên hiện nay đang bị tàn tật, không có khả năng lao động, không thể có điều kiện nuôi dưỡng con được. Để đảm bảo quyền lợi và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của trẻ em. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật HN&GĐ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Lường Thị Hưng, giao cháu Quàng Nhật Duy cho chị Hưng trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hưng hiện tại không yêu cầu anh Biên phải cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với anh Biên.

4. Về tài sản: Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

5.Về án phí: Căn cứ Điều 131/BLTTDS; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án và danh mục mức án, lệ phí Toà án ban hành kèm theo. Chị Hưng phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hưng đã nộp đủ 200.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

1- Tuyên xử: Cho chị Lường Thị Hưng được ly hôn với anh Quàng Văn Biên.

2 - Về con chung: Giao cháu Quàng Nhật Duy, sinh ngày 21/7/2010 cho chị Lường Thị Hưng trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng. Anh Quàng Văn Biên không phải cấp d- ỡng nuôi con chung.

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án chia tài sản của nguyên đơn và bị đơn.

4- Về án phí: Áp dụng Điều 131/BLTTDS; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án. Lường Thị Hưng phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 09050 ngày 04/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên. Chị Hưng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đ- ơng sự;
- UBND xã Mường Phăng;
--L- u

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lường Văn Lương